

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY MÔN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI NGÀNH VIỆT NAM HỌC

NGUYỄN THỊ NGUYỆT*

Bài viết này trao đổi một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy môn Cơ sở Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài. Để đảm bảo chuyển tải được bức tranh toàn cảnh về văn hóa Việt Nam với những đặc trưng riêng và những khác biệt giữa các dân tộc, vùng miền, cùng với một bề dày lịch sử phong phú, phần nội dung chúng tôi thiết kế thành 15 chủ đề - bài giảng (15 đơn vị bài học) được dạy trong 45 giờ tín chỉ. Một “đơn vị bài học”, trên cơ sở tham khảo quy trình của Giselle O. Martin-Kniep thiết kế: lựa chọn tâm điểm tổ chức tích hợp; trình bày cơ sở đặt vấn đề; nêu các câu hỏi cốt lõi và câu hỏi gợi mở; tạo ra cơ hội học tập và phát triển cơ hội đánh giá. Cuối cùng, bài viết đề xuất một số phương pháp giảng dạy môn cơ sở văn hóa Việt Nam phù hợp với sinh viên nước ngoài: phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning); phương pháp dạy học theo nhóm (Group based learning); phương pháp dạy học tương tác (Interactive method).

Từ khóa: Việt Nam học, nội dung, phương pháp giảng dạy, môn cơ sở văn hóa Việt Nam, sinh viên nước ngoài

Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 11/10/2018; phản biện: 13/10/2018; duyệt đăng: 26/10/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với công cuộc đổi mới đất nước và quá trình hội nhập với thế giới để

phát triển, trong những năm qua, ngành Việt Nam học đã có những chuyển biến sâu sắc, có nhiều sự đầu tư và đổi mới về nội dung cũng như phương pháp giảng dạy và kỹ năng. Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt của Trường Đại học Khoa học Xã hội và

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội chính là cơ sở đào tạo và nghiên cứu ngành đào tạo này, đáp ứng một phần sự quan tâm của Việt Nam và thế giới về các vấn đề Việt Nam học. Nghiên cứu về nội dung và phương pháp giảng dạy văn hóa Việt Nam cho sinh viên nước ngoài ngành Việt Nam học, chúng tôi muốn đưa đến cho sinh viên nước ngoài sự hiểu biết thực tế về văn hóa Việt Nam và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình dạy và học. Việc đổi mới nội dung, giáo trình hay cách dạy và học là tâm điểm của đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Hai cuốn giáo trình cùng tên *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của Giáo sư Trần Quốc Vượng (chủ biên) và của Giáo sư Trần Ngọc Thêm, được biên soạn với những góc độ và quan điểm khác nhau, được sử dụng chung cho một số ngành đào tạo. Đây là những giáo trình phong phú về nội dung nhưng khá nặng về lý thuyết nên chưa thuận lợi cho việc dạy và học môn này trong thực tế.

Trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam được xây dựng thành môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành. Chương trình đòi hỏi phải có những môn học chuyên ngành bắt buộc hoặc tự chọn đi sâu hơn vào các thành tố của văn hóa Việt Nam như: tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam; đại cương về văn học Việt Nam; văn hóa giao tiếp Việt Nam; nghệ thuật biểu diễn Việt Nam; mỹ thuật và kiến trúc

Việt Nam; ẩm thực Việt Nam; di tích và thắng cảnh Việt Nam.

Môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam rất quan trọng đối với sinh viên người nước ngoài, vì nó cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam: định nghĩa, khái niệm văn hóa và những thuật ngữ liên quan; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, vai trò của văn hóa trong sự phát triển của dân tộc, các thành tố văn hóa tiêu biểu, không gian văn hóa Việt Nam.

Nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu của sinh viên nước ngoài trong việc tìm hiểu văn hóa Việt Nam, chúng tôi đã chú ý nghiên cứu, biên soạn những bài giảng về văn hóa Việt Nam sao cho vừa cô đọng, súc tích về nội dung, vừa dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng vào trong các hoạt động văn hóa cũng như hoạt động du lịch. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn đưa ra một chương trình giảng dạy với nội dung và phương pháp phù hợp hơn cho người nước ngoài. Trong đó, chúng tôi giảm bớt phần lý thuyết, tăng thêm phần thực tiễn văn hóa Việt Nam, nhằm giới thiệu đầy đủ hơn những giá trị văn hóa đặc sắc và những di sản văn hóa tiêu biểu.

2. THIẾT KẾ NỘI DUNG GIẢNG DẠY VĂN HÓA VIỆT NAM

2.1. Lựa chọn các chủ đề về nội dung văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài

Nội dung văn hóa Việt Nam bao hàm mọi lĩnh vực của văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần. Việt

Nam có 54 dân tộc, mỗi dân tộc sinh sống trên dải đất Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng thể hiện rõ trong ngôn ngữ, ẩm thực, trang phục, tín ngưỡng, phong tục tập quán... Lịch sử và văn hóa mỗi vùng miền cũng có sự khác biệt. Vì vậy, để đảm bảo cung cấp kiến thức cơ sở toàn diện khi giảng dạy văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, chúng tôi lựa chọn và thiết kế nội dung theo trình tự như sau: phần mở đầu cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung và cơ sở thực tiễn của văn hóa Việt Nam; trong các phần tiếp theo sẽ làm rõ các nội dung cụ thể của văn hóa Việt Nam theo từng chuyên đề như sinh thái nhân văn, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, các thời kỳ lịch sử, các nền văn minh từng tồn tại, các phong tục nổi bật, các lễ hội lớn... Trong mỗi bài giảng, chúng tôi tập trung vào những nội dung cơ bản là tâm điểm tổ chức tích hợp - chủ đề.

Cụ thể, môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài được chúng tôi thiết kế thành 15 chủ đề - bài giảng (15 đơn vị bài học) được dạy trong 45 giờ tín chỉ.

Bài một: Những đặc trưng của văn hóa Việt Nam

1. Khái niệm văn hóa
2. Ý nghĩa, vai trò của văn hóa trong sự phát triển của dân tộc
3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu
4. Những đặc trưng của văn hóa Việt Nam

Bài hai: Tự nhiên và văn hóa Việt Nam

1. Vị trí địa lý và văn hóa Việt Nam
2. Địa hình và văn hóa Việt Nam
3. Khí hậu và văn hóa Việt Nam
4. Môi trường nước và văn hóa Việt Nam

Bài ba: 54 dân tộc Việt Nam

1. Nguồn gốc các dân tộc
2. Thành phần các dân tộc
3. Đặc điểm các dân tộc Việt Nam
4. Văn hóa tộc người

Bài bốn: Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử

1. Thời tiền sử
2. Thời sơ sử
3. Văn hóa Đông Sơn
4. Văn hóa Sa Huỳnh
5. Văn hóa Đồng Nai

Bài năm: Văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên

1. Văn hóa châu thổ Bắc Bộ
2. Văn hóa Cham Pa
3. Văn hóa Óc Eo

Bài sáu: Văn hóa Việt Nam thời tự chủ

1. Bối cảnh
2. Đặc trưng văn hóa

Bài bảy: Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945

1. Bối cảnh
2. Đặc trưng văn hóa

Bài tám: Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Bối cảnh
2. Đặc trưng văn hóa

Bài chín: Tiếng Việt và chữ Quốc ngữ

1. Nguồn gốc

2. Sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ trong quá trình phát triển

3. Đặc điểm của tiếng Việt

Bài mười: Văn học Việt Nam qua những chặng đường lịch sử

1. Các thành phần cấu tạo của nền văn học Việt Nam

2. Các thời kỳ phát triển

3. Mấy nét đặc sắc truyền thống của văn học Việt Nam

Bài mười một: Phong tục tập quán trong văn hóa các dân tộc ở Việt Nam

1. Phong tục tập quán các dân tộc

2. Phong tục lễ Tết

3. Phong tục cưới xin

4. Phong tục tang ma

Bài mười hai: Một số hình thái tín ngưỡng chính của các dân tộc ở Việt Nam

1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

2. Tín ngưỡng thờ Mẫu

3. Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng

4. Tín ngưỡng thờ Thần linh

Bài mười ba: Những tôn giáo chính ở Việt Nam

1. Nho giáo

2. Đạo giáo

3. Phật giáo

4. Thiên Chúa giáo

Bài mười bốn: Lễ hội cổ truyền Việt Nam

1. Khái quát về lễ hội cổ truyền Việt Nam

2. Một số lễ hội tiêu biểu

Bài mười lăm: Không gian văn hóa Việt Nam

1. Vùng văn hóa Tây Bắc

2. Vùng văn hóa Việt Bắc

3. Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ

4. Vùng văn hóa Trung Bộ

5. Vùng văn hóa Tây Nguyên

6. Vùng văn hóa Nam Bộ

2.2. Các bước xây dựng bài giảng

Về việc xây dựng hay thiết kế một “đơn vị bài học”, chúng tôi tham khảo cách làm của Martin - Kniep (2011: 41-51) trong phần *Thiết kế các đơn vị bài học theo chuẩn* với quy trình 9 bước: Lựa chọn tâm điểm tổ chức tích hợp; Trình bày cơ sở đặt vấn đề; Mô tả bối cảnh và trình bày tổng quan; Soạn các câu hỏi cốt lõi và câu hỏi gợi mở; Xác định kết quả cần đạt và các chỉ số; Xem xét lại tiêu chuẩn của quận (huyện), bang và quốc gia; Tạo ra cơ hội học tập; Phát triển cơ hội đánh giá; Phát triển những gợi ý chiêm nghiệm. Chúng tôi đưa ra cách làm thích hợp cho “Đơn vị bài học” ở đây theo quy trình 4 bước như sau:

Bước 1: Lựa chọn tâm điểm tổ chức tích hợp - mà ở đây là lựa chọn chủ đề hay chủ điểm.

Đây là các chủ đề liên kết các nội dung trong Văn hóa Việt Nam với nhau.

Bước 2: Trình bày cơ sở đặt vấn đề.

Bước này mô tả rõ tại sao lại chọn chủ đề này, những kiến thức, kỹ năng, cách trình bày nội dung, kết quả sinh viên thu được sau khi học xong nội dung này.

Bước 3: Nêu các câu hỏi cốt lõi và câu hỏi gợi mở.

Các câu hỏi cốt lõi là những câu hỏi cần thiết để nêu bật những vấn đề trọng tâm, cốt yếu của nội dung bài giảng, hướng sinh viên tập trung vào những kiến thức cơ bản, thúc đẩy sinh viên tìm tòi và học tập chăm chỉ; các câu hỏi gợi mở có tính hỗ trợ, kết dính giữa học và hành, giúp sinh viên thể hiện sự năng động, sáng tạo.

Bước 4: Tạo ra cơ hội học tập và phát triển cơ hội đánh giá.

Theo Martin-Kniep (2011: 41): “Cơ hội học tập là những trải nghiệm thực tế, những bài học và những hoạt động mà giảng viên cung cấp để giúp học sinh đạt được kết quả đầu ra được hướng tới sau khi hoàn thành đơn vị bài học”. Vậy, cơ hội học tập là đưa ra những câu hỏi gợi ý để phỏng vấn sinh viên nước ngoài về chủ đề, chủ điểm bài giảng hay yêu cầu sinh viên mang đến những cuốn sách, những hình ảnh, những tư liệu có mối quan hệ với chủ đề bài giảng để cùng thảo luận; hướng dẫn sinh viên khảo sát, điều tra, nghiên cứu thực tế để có những thông tin cụ thể, đánh giá đầy đủ về những vấn đề đặt ra trong đơn vị bài học. Có thể đặt ra những tình huống như: trả lời phỏng vấn của một phóng viên truyền hình, hay yêu cầu giải đáp cho một người nước ngoài muốn tìm hiểu về chủ đề, chủ điểm mà họ quan tâm...

Theo Martin-Kniep (2011: 48): “Cơ hội đánh giá là toàn bộ những nỗ lực nhằm ghi lại những thông tin về việc học tập của sinh viên khi bắt đầu một đơn vị bài học (chẩn đoán), trong quá

trình thực hiện đơn vị bài học đó (rút kinh nghiệm) và khi kết thúc bài học đó hoặc sau khi tích lũy xong đơn vị bài học đó (tổng kết)”... “Đơn vị bài học này phải có cả cơ hội để sinh viên minh họa trước độc giả mọi vấn đề các em đã học xong trong đơn vị bài học bằng cách vận dụng vào bối cảnh giải quyết những vấn đề có thật và những vấn đề mình tin là có thể”. Đây cũng là kết quả “chuẩn đầu ra” sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành đơn vị bài học.

2.3. Những ví dụ về thiết kế nội dung một bài giảng cụ thể

Bài 11 phần 2: Phong tục lễ Tết Việt Nam

Nội dung chủ đề này giới thiệu các phong tục, ý nghĩa và giá trị văn hóa của lễ Tết ở Việt Nam.

1) Chủ điểm 1: Phong tục Tết Nguyên Đán của người Việt

- Giải thích khái niệm “Tết”, “Tết Nguyên Đán”, ý nghĩa về mặt thời gian, tầm quan trọng và qui mô, tính chất của lễ Tết lớn nhất này ở Việt Nam.

- Các bước - các công việc chuẩn bị và cũng là những phong tục đón Tết, ăn Tết, vui chơi ngày Tết và nguồn gốc, ý nghĩa của nó: sắm Tết; sửa sang, bày biện bàn thờ và đồ thờ, đồ lễ; trang trí hoa đào, cây quất, cây mai để chơi Tết, ngắm tết; bày mâm ngũ quả trên bàn thờ Thần linh và gia tiên; gói bánh chưng và làm bánh dày để cúng lễ và ăn Tết.

- Liên hệ với tín ngưỡng thờ thần, thờ cúng tổ tiên: trình bày các nghi lễ thực

hiện trong dịp Tết từ nguồn gốc, hình thức biểu hiện đến ý nghĩa, giá trị văn hóa (như trồng cây nêu, Tết ông Táo, cúng tất niên, lễ Tết, biếu quà Tết, cúng giao thừa, lễ đền, chùa, miếu, hái lộc; cúng lễ gia thần và gia tiên ba ngày Tết; lễ hóa vàng).

- Giải thích những tục lệ khác, như tục xông nhà, xông đất; mừng tuổi và chúc Tết; xuất hành đầu năm; nguồn gốc, cách thức biểu hiện, ý nghĩa của các tục lệ này.

- Nói về những điều kiêng kỵ: những việc không được làm trong dịp Tết, giải thích nguyên nhân.

- Ẩm thực ngày Tết: đặc điểm, ý nghĩa và giá trị văn hóa của các món ăn truyền thống.

- Liên hệ với văn học dân gian: giới thiệu một số truyền thuyết về phong tục Tết như: *Sự tích ông đầu rau* (giải thích tục thờ Thổ Công), *Sự tích cây nêu ngày Tết* (giải thích phong tục trồng cây nêu), *Sự tích bánh chưng bánh dày* (giải thích phong tục gói bánh chưng, làm bánh dày và cúng lễ gia tiên ngày tết). Phân tích ý nghĩa và giá trị văn hóa của các truyền thuyết này.

- Một số nét đặc trưng Tết Nguyên Đán ở ba miền Bắc - Trung - Nam.

- Phong tục Tết Việt Nam trong xã hội hiện đại: những yếu tố truyền thống được giữ gìn như thế nào? Có thêm nét gì mới hay sự biến đổi văn hóa thể hiện trong phong tục Tết như thế nào?

2) *Chủ điểm 2: Một số phong tục Tết của các dân tộc ở Việt Nam*

Do điều kiện địa hình khí hậu khác nhau giữa các vùng nên thời gian thu hoạch mùa màng của nhiều tộc người trên đất nước Việt Nam không giống nhau. Chính vì vậy, thời gian đón năm mới không nhất thiết phải là ngày đầu tiên của năm mới. Nhiều tộc người ăn tết vào khoảng thời gian giống người Kinh, như người Tày, Nùng, Thái... Nhưng người Chăm, Khmer ăn Tết vào giữa năm; người Ê Đê, Kơtu ăn tết vào cuối năm; người Mông vừa ăn Tết riêng của mình vào đầu tháng 12 vừa ăn Tết chung cùng cả nước...

Lễ hội nói chung và lễ Tết đón năm mới nói riêng của các tộc người thiểu số đều được gắn chặt với chu kỳ sản xuất nông nghiệp, với sự phát triển của cây lúa. Vì vậy hầu hết Tết năm mới của các dân tộc thiểu số, ngoài nghi lễ cúng ông bà tổ tiên còn có nghi lễ cầu nước vì nước là yếu tố quan trọng đối với cây lúa.

Phong tục, tập quán ngày Tết của các dân tộc thiểu số có nhiều nét chung song cũng có những nét riêng.

Nội dung bài giảng giới thiệu phong tục, tập quán ngày Tết của người Tày, người Thái, người Mông, người Cơ Ho, người Khmer, người Chăm...: Thời gian, đặc điểm, các sắc thái phong tục, lễ nghi, ý nghĩa, giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc.

3) *Chủ điểm 3: Những phong tục lễ tết khác ở Việt Nam*

Giới thiệu các lễ tết khác với các đặc điểm về thời gian, nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị văn hóa, các phong tục lễ nghi...

Các lễ Tết được giới thiệu như: Tết Khai Hạ vào ngày bảy tháng Giêng, Tết Thượng Nguyên vào ngày rằm tháng Giêng, Tết Hàn Thực vào ngày mùng ba tháng Ba “bánh trôi bánh chay”, Tết Thanh Minh vào tháng Ba, Tết Đoan Ngọ vào mùng năm tháng Năm - “giết sâu bọ”, Tết Trung Nguyên vào rằm tháng Bảy - “xá tội vong nhân”, Tết Trung Thu vào rằm tháng Tám - Trung thu cho trẻ em...

4) *Nội dung các câu hỏi thảo luận hay viết bài thu hoạch cá nhân và thu hoạch nhóm*

Câu hỏi cốt lõi:

Câu 1: Tại sao phải tổ chức lễ tết? Phong tục Tết Việt Nam thể hiện những đặc trưng gì của văn hóa Việt Nam?

Câu 2. Phong tục Tết ở Việt Nam có gì giống và khác so với phong tục Tết ở nước anh (chị)?

Câu 3. Một số lễ tết khác ở Việt Nam có gì giống và khác với các lễ tết ở nước anh (chị)?

Câu hỏi gợi mở:

Câu 4: Anh (chị) hãy giải thích một số khái niệm, biểu tượng, tục lệ trong phong tục Tết của Việt Nam theo cách hiểu của mình: bàn thờ thần Thổ công và gia tiên; mâm ngũ quả; bánh chưng bánh dày; vua Bếp - thần Táo Công; cây nêu ngày tết.

Câu 5: Hãy giải thích những câu tục ngữ sau: “*Mùng một tết cha, mùng hai tết mẹ, mùng ba tết thầy*”, hay “*Mùng một thì ở nhà cha, mùng hai nhà mẹ, mùng ba nhà thầy*”;

“*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh*”

5) *Kết quả đạt được sau khi học xong*

Sinh viên sẽ:

- Hiểu rõ những đặc trưng văn hóa Tết của Việt Nam.

- Có khả năng thuyết trình, giới thiệu và viết được về nội dung - giá trị văn hóa của những phong tục lễ Tết.

3. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY VĂN HÓA VIỆT NAM CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

3.1. Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning)

Phương pháp dạy học này đã được áp dụng ở nước ngoài (Canada, Hà Lan, Mỹ...), được một số nhóm nghiên cứu về phương pháp giảng dạy giới thiệu ở Việt Nam (xem thêm Lê Văn Hảo, 2006; Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phượng, Đồng Thị Bích Thủy, 2010). Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề hướng người học tìm hiểu kỹ về một chủ đề học tập. Sinh viên nước ngoài học theo phương pháp này sẽ được học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi mà giảng viên đưa ra.

Phương pháp dạy học dựa theo vấn đề chia các hoạt động học tập theo 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Giới thiệu chủ đề, chuẩn bị các hoạt động và nguồn lực cần thiết.

Giai đoạn 2: Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, các sinh viên thực hiện kỹ năng phân tích chủ đề, đưa ra các câu

hỏi và giả thiết đầu tiên, phân chia nhiệm vụ cho các thành viên nhóm.

Giai đoạn 3: Các thành viên làm việc độc lập theo nhiệm vụ đã được phân chia; tổng kết, báo cáo kết quả làm việc theo nhóm, thảo luận trong nhóm.

Giai đoạn 4: Viết thu hoạch cá nhân hoặc yêu cầu sinh viên trình bày kết quả học tập dưới hình thức một chủ đề hay đề tài.

Phương pháp này giúp các sinh viên nước ngoài vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp tiếp nhận kiến thức đó, phát triển tư duy sáng tạo, khả năng giao tiếp, phát triển năng lực thích ứng với đời sống xã hội, giải quyết các vấn đề nảy sinh ở một nước có ngôn ngữ và nền văn hóa khác với môi trường sống trước đây của mình.

Việc thảo luận trong nhóm là bắt buộc đối với tất cả các cá nhân, nó không những giúp học viên phát triển được khả năng giao tiếp và các kỹ năng xã hội, mà còn phát triển được quá trình nhận thức (đọc hiểu, phân tích, đánh giá...).

Ví dụ khi giảng dạy về phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt, sinh viên sẽ viết bài thu hoạch phân tích cơ sở ra đời của phong tục, bản chất, các hình thức thờ cúng tổ tiên của người Việt, đồng thời liên hệ với nước mình. Có những nước có nền văn hóa tương đồng cũng có phong tục này như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... Có những nước không có phong tục này như Ấn Độ, Mỹ... Vì

vậy, các sinh viên có thể phát triển tư duy sáng tạo của mình khi trình bày, phân tích chủ đề này.

3.2. Phương pháp dạy học theo nhóm (Group based Learning)

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp hoạt động nhóm và thu được hiệu quả cao. Các sinh viên tham gia lớp môn học sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ (3- 5 người một nhóm, tùy theo số lượng sinh viên trong lớp). Trong suốt quá trình tham gia lớp môn học, các nhóm sẽ nhận nhiệm vụ theo sự phân công của giảng viên hay giảng viên đưa ra các nhiệm vụ rồi tổ chức cho các nhóm bắt thăm. Nhóm trưởng sẽ phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Các thành viên đều phải làm việc chủ động, tích cực, phải hoàn thành phần việc của mình để không ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả làm việc của nhóm. Nhìn chung, sinh viên nước ngoài đều thích hoạt động nhóm, nên đều năng động, chăm chỉ và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Các nhóm hoạt động rất khoa học, hiệu quả và sự hợp tác giữa các thành viên đã cho ra các sản phẩm khoa học hay công trình thu hoạch nhóm thành công. Đến ngày thuyết trình nhóm, các nhóm dường như có sự cạnh tranh với nhau và quyết tâm trình bày thật tốt, thật ấn tượng.

Với phương pháp dạy học theo nhóm, chúng tôi nhận thấy các sinh viên nước ngoài hoạt động nhóm có phần hiệu quả hơn so với sinh viên Việt Nam. Có lẽ họ đã thành thực với phương pháp học này từ khi còn học

ở trong nước. Ngay khi nhận được nhiệm vụ, họ đã có sự phân công rất linh hoạt, họ biết cách thu thập thông tin từ các nguồn rất nhanh và chính xác, họ biết trình bày power point rất khoa học và thuyết phục. Cuối cùng chỉ còn phần thuyết trình bằng tiếng Việt sao cho thoát khỏi văn bản và trôi chảy là các sinh viên chú ý nhiều nhất. Khi có một nhóm lên thuyết trình, các nhóm còn lại đều chăm chú lắng nghe, phần nêu câu hỏi và thảo luận cũng rất sôi nổi.

Phương pháp dạy học theo nhóm giúp sinh viên nước ngoài phát huy được tính năng động, ham học hỏi và khả năng làm việc theo nhóm của họ.

Chẳng hạn, khi giảng dạy phong tục tập quán Việt Nam cho sinh viên nước ngoài, chúng tôi đã đưa ra những nhiệm vụ cho sinh viên hoạt động theo nhóm như: thuyết trình về những phong tục của các dân tộc khác nhau ở Việt Nam; phong tục cưới xin của người Việt từ truyền thống đến hiện đại; so sánh sự giống và khác nhau giữa phong tục của Việt Nam và nước bạn; phân tích những giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ của các phong tục ở Việt Nam... Các sinh viên đã xây dựng những bản thuyết trình rất đầy đủ, chi tiết về nội dung và còn có cả hình ảnh minh họa sinh động.

3.3. Phương pháp dạy học tương tác (Interactive method)

“Đây là phương pháp đương đại đang được áp dụng trong hầu hết các nền giáo dục” và được áp dụng trong một số ngành đào tạo ở Việt Nam như

Thích Nguyên Đạt (2012) đã giới thiệu trong bài viết *Phương pháp giảng dạy và học tập tại Học viện Phật giáo Việt Nam*. Theo James H. Stronge, trong cuốn chuyên khảo của E. Shellard & N. Protheroe (2000) với nhan đề *Effective Teaching: How do we Know it When we See it* (The Informed Educator Series. Arlington, VA: Educationl Research Service), tác giả đã nghiên cứu về 4 vấn đề trong giảng dạy: soạn bài; kết hợp các phương pháp giảng dạy; sự đa dạng về bài giảng và phong cách giảng dạy mang tính tương tác. Trong đó đánh giá cao vai trò của phương pháp giảng dạy tương tác: “Những giáo viên có phương pháp giảng dạy mang tính tương tác thường có thành tích tốt hơn những giáo viên không quan tâm và dành ít thời gian xem lại thông tin đã qua của học sinh. Sự phát triển một đội ngũ giáo viên chất lượng cao có một yếu tố chính là những giáo viên biết áp dụng các phương pháp giảng dạy mang tính tương tác” (Stronge, 2011: 183).

Phương pháp *dạy học tương tác* phát huy tính chủ động hợp tác giữa giảng viên và sinh viên, tạo nên sự thân thiện giữa thầy và trò thông qua việc tăng cường trao đổi, học hỏi qua lại, tương tác giữa người truyền đạt kiến thức và người tiếp thu kiến thức. Giảng viên truyền đạt những kiến thức nền, kiến thức cơ bản hay các kiến thức trọng tâm, gợi mở nhiều vấn đề liên quan hay kết dính giữa các chủ đề, dành những khoảng không gian

cần thiết cho sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, đưa ra ý tưởng và làm chủ nguồn học liệu. Sinh viên chủ động tham gia vào quá trình học ở những môi trường, hoàn cảnh khác nhau (trong lớp và ngoài lớp), tích cực phát biểu ý kiến, nêu vấn đề tranh luận. Giảng viên sẽ là người điều phối, hướng dẫn những hoạt động của sinh viên.

Phương pháp dạy học tương tác cũng diễn ra dưới hình thức hỏi đáp, thảo luận giữa giảng viên với từng cá nhân sinh viên, thảo luận với các nhóm sinh viên và các hình thức trao đổi phát sinh ở mọi lúc mọi nơi có giảng viên và sinh viên. Như vậy, bối cảnh học của phương pháp dạy học tương tác đã được mở rộng. Giảng viên đóng vai trò tương tác chính giữa sinh viên và môi trường học. Việc dạy học tương tác cũng chịu ảnh hưởng bởi các mối quan hệ giao tiếp với mọi người xung quanh. Sinh viên có cơ hội tương tác nhiều hơn khi có những người khác tham gia. Các môi trường học ngoài lớp học cho phép tạo ra các mối tương tác xã hội giúp sinh viên phát triển lối tư duy linh hoạt, khả năng giao tiếp, tăng cường hiểu biết và hoàn thiện bản thân.

Phương pháp dạy học tương tác trong lớp có thể là một sự gợi ý, một câu hỏi, một trò chơi... Ví dụ khi dạy phong tục

cưới xin của người Việt, các sinh viên nêu ra vấn đề tranh luận ngoài kiến thức trọng tâm nhưng liên quan đến vấn đề hôn nhân, như: quan điểm hôn nhân ở thời kỳ hiện đại như thế nào, tại sao các cuộc ly hôn ngày càng tăng, vấn đề trinh tiết của con gái ngày nay được nhìn nhận như thế nào trong hôn nhân, thế nào là “sống thử” trước khi kết hôn... Trong trường hợp đó giảng viên nên quan tâm và cho lớp học được thảo luận và thông qua đó, cung cấp thêm các kiến thức về phong tục cưới xin của người Việt.

4. KẾT LUẬN

Giảng dạy văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài là một trong những vấn đề cần quan tâm trong giảng dạy nói chung ở Việt Nam. Một chương trình và phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp sẽ tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên phát huy hết khả năng của mình trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Một trong những thách thức quan trọng mà ngành Việt Nam học phải đối mặt là làm thế nào để các sinh viên nước ngoài là cầu nối cho phát triển xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Vì vậy cần nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên thông qua việc đổi mới, cập nhật về nội dung và phương pháp giảng dạy, bắt kịp các phương pháp giảng dạy tiên tiến trên thế giới hiện nay. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hoff, D.J. 2003. “Large Scale Study find Poor Math Science Instruction”. *Education Week*, 23(1).
2. Lê Văn Hào (chủ biên). 2006. *Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá*. Trường Đại

học Nha Trang.

3. Martin-Kniep, Giselle O. (Lê Văn Canh dịch). 2011. *Tám đổi mới để trở thành giáo viên giỏi*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phương, Đồng Thị Bích Thủy. 2010. “Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO”. Đại học Quốc gia TP HCM, trong *Hội thảo CDIO* (Conceive Design Implement Operate) 2010.
5. Stronge, James H.. (Lê Văn Canh dịch). 2011. *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
6. Shellard, E. & N. Protheroe. 2000. “Effective Teaching: How Do We Know it When we See it”. The Informed Educator Series. Arlington, VA: Educationl Research Service.
7. Thích Nguyên Đạt. 2012. “Phương pháp giảng dạy và học tập tại Học viện Phật giáo Việt Nam”. <http://www.daophatngaynay.com/vn/giao-duc/11180-Phuong-phap-giang-day-va-hoc-tap-tai-cac-Hoc-vien-Phat-giao-Viet-Nam.html>, truy cập ngày 10/9/2012.